

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 327/2025/DS - PT

Ngày 28 – 8 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Phi Kbuôr

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Quốc Hà và bà Đinh Thị Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2025/TLPT-DS ngày 25/6/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2025/DS - ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ( Nay là Toà án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Đắk Lắk) kháng nghị và kháng cáo của bị đơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 297/2025/QĐ - PT ngày ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 295/QĐ-PT ngày 12/8/2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1969; Địa chỉ: số A N, tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ( Nay là số A N, phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Lại Tuấn V, sinh năm 1994; Địa chỉ: Hẻm C, Lê Cảnh T1, liên gia D, tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ( Nay là tổ dân phố E, phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

*Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lại Tuấn V.

*Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:**

Ông có quan hệ quen biết với anh Lại Tuấn V nên ông cho anh V vay tiền nhiều lần cụ thể:

Ngày 28/12/2021, ông cho anh V vay 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Ngày 30/12/2021, ông cho anh V vay 85.000.000 đồng (*T2 mươi lăm triệu đồng*).

Ngày 07/01/2022, ông cho anh V vay 175.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Ngày 12/01/2022, ông cho anh V vay 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Ngày 13/01/2022, ông cho anh V vay 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

Ngày 18/01/2022, ông cho anh V vay 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Ngày 20/01/2022, ông cho anh V vay 22.500.000 đồng (*hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

Ngày 23/01/2022 ông cho anh V vay 21.000.000 đồng (*hai mươi một triệu đồng*).

Tổng số tiền (8 lần vay) anh V vay của ông là 643.500.000 đồng. Trong quá trình vay vào ngày 02/01/2022 anh V đã chuyển khoản trả cho ông được 59.000.000 đồng, ngày 29/01/2022 anh V chuyển khoản trả thêm cho ông 14.000.000 đồng. Tổng cộng anh V đã trả cho ông được 73.000.000 đồng.

Đến ngày 08/6/2022 anh V viết giấy vay ông với số tiền là 570.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi viết giấy vay anh V không trả cho ông thêm khoản tiền nào dù ông đã đòi nhiều lần. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lại Tuấn V trả cho ông số tiền 570.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*) tiền gốc và trong giai đoạn giải quyết vụ án ông T còn yêu cầu anh V còn phải trả khoản tiền lãi suất theo quy định của Nhà nước kể từ ngày anh V viết giấy cam đoan là ngày 09/02/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Ông không đồng ý việc anh V cho rằng trong số tiền nợ ông 570.000.000 đồng thì anh V chỉ nợ ông số tiền 450.000.000 đồng tiền gốc là không đúng, nếu anh V cho rằng chỉ nợ 450.000.000 đồng tiền gốc thì anh V phải chứng minh.

Ông không đồng ý việc anh V xin giảm bớt số tiền gốc và xin trả nợ dần.

Ông xác định: 02 giấy vay tiền và 01 giấy cam đoan là một khoản nợ 570.000.000 đồng mà hiện ông đang khởi kiện anh Lại Tuấn V, ngoài ra không còn khoản nợ nào khác.

**\* Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Lại Tuấn V trình bày:**

Anh có quan hệ quen biết với ông Trần Văn T nên có vay của ông T một số tiền nhưng anh đã trả được một số. Số tiền anh vay ông T để làm ăn và kinh doanh trại nấm. Thời gian đầu làm ăn được thì anh có trả gốc và lãi cho ông T nhưng sau đó anh làm ăn thất bại và có xin gia đình ông T trả dần nhưng ông T bảo trả 01 lần

nên anh không có khả năng trả. Sau đó anh bị tai nạn chấn thương sọ não và đã thông báo cho ông T để xin từ từ anh trả dần. Hiện ông T khởi kiện số tiền là 570.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*), số tiền đó anh không đồng ý vì anh chỉ vay ông T tiền gốc là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), vì khi vay ông T đã cắt lãi của anh và anh cũng có đóng tiền lãi cho ông T. Hiện nay gia đình anh khó khăn, anh bị đau ốm nên anh xin gia đình ông T tính lãi giúp anh số tiền 450.000.000 đồng và cho anh xin trả gốc dần hàng tháng cho ông T. Anh không có chứng cứ hay giấy tờ gì về việc anh còn nợ ông T số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng. Anh thừa nhận chữ ký chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 01/12/2021 với số tiền 570.000.000 đồng, Giấy cam đoan đề ngày 09/02/2022 với số tiền 570.000.000 đồng, Giấy mượn tiền đề ngày 08/6/2022 với số tiền 570.000.000 đồng là do anh ký và viết ra, 02 giấy vay tiền và 01 giấy cam đoan là một khoản nợ 570.000.000 đồng mà hiện ông T đang khởi kiện đối với anh.

Sau khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bị đơn anh Lại Tuấn V có đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án trên. Tại phiên tòa bị đơn anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu này.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2025/DSST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Đắk Lắk) đã quyết định:**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.
2. Buộc bị đơn anh Lại Tuấn V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trần Văn T tổng số tiền là: 739.348.900 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm đồng); trong đó số tiền nợ gốc là: 570.000.000 đồng, tiền lãi suất là: 169.348.900 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Lại Tuấn V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Đắk Lắk) ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS đối với Bản án số 53/2025/DSST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk) đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi suất, vì vượt quá phạm vi trong đơn yêu cầu khởi kiện, tính lại lãi suất và phần án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 20/5/2025, bị đơn anh Lại Tuấn V kháng cáo Bản án sơ thẩm không đồng ý với mức lãi suất, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định kháng nghị, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lại Tuấn V, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2025/DSST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk) về phần lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

**[1].** Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đơn kháng cáo của anh Lại Tuấn V trong thời hạn luật định và anh V đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

**[2].** Xét kháng cáo của anh Lại Tuấn V và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy:

**[2.1]** Về số tiền vay gốc: Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2025 của ông Trần Văn T nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm và trình bày những vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết gồm: Quá trình quen biết ông Trần Văn T có cho anh Lại Tuấn V vay 08 lần với tổng số tiền là 643.500.000 đồng. Trong quá trình vay tiền, vào ngày 02/01/2022 anh V đã chuyển khoản trả cho ông T được 59.000.000 đồng, ngày 29/01/2022 anh V chuyển khoản trả thêm cho ông T 14.000.000 đồng, tổng cộng anh V đã trả cho ông T được 73.000.000 đồng. Đến ngày 08/6/2022, anh V viết giấy xác nhận vay ông T với số tiền là 570.000.000 đồng và cam kết thời hạn sau mỗi kỳ 03 tháng sẽ trả cho ông T số tiền 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng sau khi viết giấy vay thì anh V không trả cho ông T thêm khoản tiền nào, mặc dù ông đã đòi nhiều lần.

Tại phiên toà phúc thẩm, anh V xác định đến nay anh V còn nợ ông T với số tiền gốc là 570.000.000 đồng và xin được trả dần hàng tháng, còn tiền lãi thì xin ông T miễn tính lãi nhưng ông T không chấp nhận.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lại Tuấn V phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 570.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*) là có cơ sở.

[2.2] Về khoản tiền lãi suất: Nguyên đơn trình bày do không hiểu biết đầy đủ về quy định của pháp luật nên tại đơn khởi kiện không ghi phần yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất vào đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án thì ông T có ý kiến trình bày yêu cầu bị đơn anh V phải trả cả khoản tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 09/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét về yêu cầu trả tiền lãi suất của nguyên đơn, thì thấy: Mặc dù nguyên đơn không yêu cầu trong đơn khởi kiện nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải trả cả khoản tiền lãi suất theo quy định thì đó là yêu cầu bổ sung trong cùng một quan hệ pháp luật tranh chấp có liên quan chặt chẽ với nhau giữa các đương sự về hợp đồng vay tài sản. Mặt khác, bị đơn cũng thừa nhận hợp đồng vay tiền có tính lãi suất và đã trả một khoản tiền lãi cho nguyên đơn. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Do đó, yêu cầu bổ sung của ông T không vượt quá phạm vi khởi kiện theo quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Về thời gian tính lãi suất: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm là ngày 08/6/2022 (ngày viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ) là thời điểm để tính lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn là chưa chính xác. Bởi lẽ, trong giấy vay tiền trước đó thì nguyên đơn và bị đơn không thể hiện việc thỏa thuận lãi suất. Tại giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ghi ngày 08/6/2022, bị đơn anh V có viết “*Tôi cam kết cứ 03 tháng tôi sẽ trả ông T số tiền là 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền trên*” nhưng đến hạn sau 03 tháng kể từ ngày 08/6/2022 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cũng như cam kết, đồng thời bị đơn cũng thừa nhận hợp đồng vay tiền có tính lãi suất và đã trả một khoản tiền lãi cho nguyên đơn. Do đó, có căn cứ để buộc bị đơn anh V phải trả khoản tiền lãi suất tính từ ngày 09/9/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp. Do đó cần tính toán lại số tiền lãi suất, cụ thể như sau:

Tiền lãi tính từ ngày 09/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/5/2025 =  $(997 \text{ ngày} \times 10\% / \text{năm} \times 570.000.000 \text{ đồng}) / 365 \text{ ngày} = 152.572.603 \text{ đồng}$  (làm tròn số 152.572.000 đồng).

Như vậy, cần buộc bị đơn anh Lại Tuấn V phải trả cho nguyên đơn ông Trần Văn T số tiền tổng cộng là: 722.572.000 đồng; Trong đó số tiền nợ gốc là: 570.000.000 đồng, tiền lãi suất là: 152.572.000 đồng.

[3]. Về thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm: Trong giai đoạn giải quyết vụ án thì thấy tại biên bản lấy lời khai của ông T vào ngày 25/3/2025 (không có bản tự khai của nguyên đơn) do Tòa án tiến hành thực hiện thì ông T không những yêu cầu bị

đơn anh V trả khoản nợ gốc 570.000.000 đồng mà còn yêu cầu anh V phải trả cả khoản tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Lẽ ra, trong trường hợp này khi thấy nguyên đơn có yêu cầu bổ sung thì Tòa án phải hướng dẫn cho nguyên đơn làm đơn khởi kiện bổ sung và Tòa án ra thông báo thụ lý đơn khởi kiện bổ sung, thông báo cho đương sự thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí theo quy định nhưng đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải mà không hướng dẫn cho đương sự làm đơn khởi kiện bổ sung là thiếu sót. Tuy nhiên, thiếu sót này không làm thay đổi bản chất của vụ án. Do đó, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác xét xử để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) và một phần kháng cáo của bị đơn anh Lại Tuấn V, sửa một phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2025/DSST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk) về phần số tiền lãi suất và án phí.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn T được chấp nhận nên bị đơn anh Lại Tuấn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: 20.000.000 đồng +  $[4\% \times (722.572.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})] = 32.902.880 \text{ đồng}$  (làm tròn số là 32.903.000 đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh Lại Tuấn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) và chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn anh Lại Tuấn V.
- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2025/DS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk),
- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- [1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.

Buộc bị đơn anh Lại Tuấn V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trần Văn T số tiền nợ gốc là 722.572.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi hai triệu đồng*); Trong đó số tiền nợ gốc là: 570.000.000 đồng, tiền lãi suất là: 152.572.000 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Lại Tuấn V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

**[2] Về án phí:**

**[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bị đơn anh Lại Tuấn V phải nộp 32.903.000 đồng (*Ba mươi hai triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Trần Văn T số tiền 13.400.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0001004 ngày 11/3/2025 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đắk Lắk).

**[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:**

Hoàn trả lại cho anh Lại Tuấn V số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001569 ngày 28/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đắk Lắk).

**[3]** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực I;
- Phòng THADS Khu vực I;
- Các đương sự;
- .....;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Y Phi Kbuôr**